KIẾN NGHỊ VỀ MỘT SỐ ĐIỂM TRONG LUẬT BVMT SỬA ĐỔI

**1. Đánh giá tác động môi trường**

**1.1. Đánh giá tác động môi trường sơ bộ**

Chỉ nên quy định cho các dự án trọng điểm quốc gia, dự án thuộc danh mục trong Phụ lục II của Nghị định 40/2019/NĐ-CP là các dự án có nguy cơ rủi ro cao về môi trường.

**1.2. Điều 39. Thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Đề nghị bỏ Điểm b của Khoản 1 quy định “*Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện bởi chủ dự án hoặc tổ chức đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất, cán bộ chuyên môn và được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Chính phủ”*, sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính xin, cho trong lĩnh vực ĐTM.

- Quy định tại Khoản 2 không khả thi cụ thể như : *Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc trước khi quyết định đầu tư dự án*

Nên sửa lại quy định theo hướng *Việc đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện trước khi quyết định cấp phép đầu tư dự án hoặc trước khi cấp phép xây dựng dự án.* Vì có dự án có thể thực hiện được trong giai đoạn cấp phép đầu tư nhưng có dự án không thể thực hiện được trong giai đoạn này do thời gian.

- Quy định tại Khoản 3 chưa rõ ràng, gây hiểu lầm trong quá trình thực hiện như : *Một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp dự án được phép tách thành nhiều dự án độc lập theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, xây dựng; việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án độc lập phải được đánh giá tổng hợp, làm rõ mối quan hệ đến các vấn đề môi trường của cả dự án.*

Nên quy định là *Một dự án đầu tư của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tại một địa điểm chỉ thực hiện một báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong quá trình hoạt động khi có mở rộng quy mô sản xuất hoặc thay đổi công nghệ phải lập lại báo cáo ĐTM thì báo cáo ĐTM sau sẽ thay thế cho báo cáo ĐTM phê duyệt trước đâ*y.

**1.3. Điều 40. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

Xem xét bổ sung vào các Khoản 2, 3, 4 nội dung sau: “Sau thời hạn quy định trên , nếu chính quyền không tổ chức họp tham vấn hoặc có văn bản phản hồi thì coi như đồng ý với các nội dung tham vấn của chủ dự án” để tránh việc gây sách nhiều doanh nghiệp trong quá trình tham vấn.

**1.4. Điều 42. Thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM**

Đề nghị chọn phương án 1

 1**.5. Điều 43. Thẩm định báo cáo ĐTM**

Cần bỏ các Điểm c và d của Khoản 8, cụ thể nội dung các khoản như sau:

c) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở của dự án;

d) Quyết định đầu tư dự án đối với các dự án khác không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

 Vì chúng ta đã đánh giá môi trường sơ bộ đối với các dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trong quá trình thẩm định báo cáo Đầu tư/nghiên cứu khả thi (có 01 chương đánh giá môi trường sơ bộ trong báo cáo đầu tư). Do đó nếu để khoản c và d như trên sẽ vướng mắc trong quá trình cấp phép đầu tư cho doanh nghiệp và mâu thuẫn với Luật Đầu tư.

 **1.6.** **Điều 47. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**

- Việc cấp phép môi trường chỉ nên áp dụng khi tích hợp việc cấp phép xả nước thải và khí thải chung vào trong giấy phép.

- Việc cấp phép môi trường nên được thực hiện sau khi chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường. Trong Luật đưa ra việc cấp phép trước khi vận hành thử nghiệm là chưa phù hợp vì nếu vận hành thử nghiệm chưa đáp ứng các yêu cầu thì lại thu hồi giấy phép? Việc cấp lại giấy phép môi trường nên áp dụng cho các doanh nghiệp vi phạm các quy định trong giấy phép để giảm các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định bảo vệ môi trường trong việc phải xin lại thủ tục gia hạn giấy phép.

- Nội dung trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường đưa ra trong luật quá dài dòng, phần lớn đã có trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó cần đơn giản hóa hồ sơ cấp phép để doanh nghiệp có thể dễ dàng thực hiện.

Đề nghị bỏ điểm h của Khoản 2 về nội dung tham vấn trong báo cáo xin cấp phép. Vì việc tham vấn đã thực hiện trong quá trình lập báo cáo ĐTM. Trường hợp đối với các dự án cần sự tham vấn phải cụ thể cấp phép cho loại dự án nào cần phải có nội dung tham vấn để tránh phát sinh thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

## 1.7. Điều 50. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án sau khi được cấp giấy phép môi trường

Các cơ sở sản xuất, xử lý chất thải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải là phù hợp vì cần đánh giá, phản ánh được thực chất tình hình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và khí thải.

Tuy nhiên, đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ khi đi vào hoạt động phải sau một thời gian nhất định mới có lượng chất thải đủ để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống (như các cơ sở y tế hay dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng,…). Do đó việc vận hành thử nghiệm giai đoạn đầu khi chưa có đủ lượng khách hoặc chất thải quá ít sẽ không đánh giá được tính hiệu quả làm việc của hệ thống xử lý chất thải. Do đó đề nghị bổ sung quy định để làm rõ vấn đề này trong luật.

Đồng thời việc quản lý vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý chất thải nên quy định cho những loại hình sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường, không nên quy định tất cả cho các loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ để tránh lãng phí cho doanh nghiệp và xã hội.

##  2. Điều 57. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Cần có quy định riêng cho một số loại hình sản xuất, kinh doanh đặc thù quy mô nhỏ như các Trạm y tế cấp xã. Nếu quy định như trong Luật là phải thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn thì khi thực hiện sẽ bị vướng như hiện nay.

**3. Điều 67. Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế**

Quy định như điều này sẽ không khả thi đối với các cơ sở y tế là các phòng khám, trạm y tế cấp xã. Do đó cần làm rõ quy mô nào phải thực hiện theo quy định này để loại bỏ các đối tượng không thể áp dụng trong quy định này.

**4. Quản lý chất thải**

**Tại 03 mục: Mục 2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt; Mục 3. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; Mục 4. Quản lý chất thải nguy hại**

 Cần viết lại 3 mục này theo hướng thống nhất về cách tiếp cận quản lý chất thải theo tính chất của chất thải để đồng bộ trong toàn bộ văn bản Luật là quản lý chất thải theo tính chất của chất thải xuyên suốt trong toan bộ Luật.

Chẳng hạn trong chất thải sinh rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân hay tổ chức sẽ bao gồm:

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế;

- Chất thải rắn thông thường là thực phẩm dễ phân hủy;

- Chất thải rắn thông thường cồng kềnh;

- Chất thải rắn thông thường khác;

- Chất thải nguy hại.

Từ đó, đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ sẽ phân ra các loại chất thải giống như trên và việc quản lý chất thải trong toàn bộ Luật sẽ không bị lẫn lộn về nguồn gốc phát sinh hay tính chất của chất thải.

Từ đó đối với khu xử lý chất thải cũng sẽ phân ra là xử lý chất thải rắn thông thường và xử lý chất thải nguy hại để thống nhất quản lý.

Do đó Mục 3. Sửa thành quản lý chất thải rắn thông thường (bỏ chữ công nghiệp) và các điều liên quan đến xử lý chất thải rắn sinh hoạt sẽ sửa thành chất thải rắn thông thường.

**Điểm a, Khoản 1 Điều 84 sửa thành như sau:**

**a)** Chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình, văn phòngcủa cơ quan, tổ chức

**Khoản 1 của Điều 86 sửa thành như sau:**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân sẽ được đơn vị thu gom, xử lý chất thải tại địa phương có trách nhiệm quản lý như Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với các loại chất thải nguy hại thu gom về từ các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức.

Việc quy định theo nguồn gốc phát sinh chất thải “ sinh hoạt” như trước đây đã gây khó khăn cho nhiều cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh dịch vụ vì chất thải sinh hoạt của khu vực văn phòng thải ra hoặc chất thải thông thường đều phải chuyển đến khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương để xử lý nhưng do từ ngữ khác nhau nên đơn vị thu gom tại một số địa phương đã không nhận vận chuyển chất thải thông thường từ các doanh nghiệp đi xử lý vì tỉnh giao cho họ chỉ thug om xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

**5. Phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường**

Đề nghị xem xét lại các Khoản 2, khoản 3 để làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước theo hướng, khi xảy ra sự cố môi trường, UBND cấp tỉnh nơi xảy ra sự cố môi trường chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai các biện pháp ứng phó, xử lý sự cố. Các Bộ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và trực tiếp hỗ trợ khi quy mô sự cố vượt quá khả năng đáp ứng của địa phương.

**6. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường**

 - Đề nghị bỏ quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với các công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ. Vì quy định này sẽ không phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì đã có quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sau xử lý để kiểm soát.

- Bổ sung quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số ngành đặc thù như ngành y tế để có cơ sở ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến lĩnh vực sức khỏe môi trường như trong dự thảo của Luật.

- Do đó thẩm quyền ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường liên quan đến lĩnh vực sức khỏe môi trường cần bổ sung thêm ngành y tế.

**7. Trách nhiệm BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

Đề nghị xem xét, quy định rõ tại Điểm g, Khoản 1 những loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nào cần phải có giấy phép môi trường theo các góp ý đã nêu ở trên. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô phát thải nhỏ, trong đó có các cơ sở y tế như trạm y tế, phòng khám tư nhân,…. Không nên quy định phải có giấy phép môi trường để tránh lãng phí và phiền hà cho cơ sở.

**8. Thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm về môi trường**

Trong Điều thanh tra chuyên ngành về BVMT, bổ sung trách nhiệm của 6 Bộ (có bộ phận chuyên môn bảo vệ môi trường theo Nghị định 81/2007/NĐ-CP) trong thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ.